

Bản án số: **33/2023/DS-ST**

Ngày: 23-6-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Sĩ V, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn L, xã M, huyện S, tỉnh N.

- *Bị đơn:* Công ty C; địa chỉ trụ sở: Cụm Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ - thôn K, xã M, huyện S, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị N - Chức vụ: Giám đốc Công ty C. Địa chỉ nơi cư trú: 69 đường K1, phường Th1, quận H2, thành phố Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ 82 đường G, quận Kh, thành phố Đ.

+ Bà Trần Thị Phương T, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Th1, xã H1, huyện S, tỉnh N.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2022, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Sĩ V trình bày: trong khoảng thời gian từ ngày 09/4/2022 đến ngày 11/4/2022, bà Nguyễn Nguyễn Thị Ngọc H là Giám đốc và bà Trần Thị Phương T là nhân viên kế toán của Chi nhánh Công ty C tại xã H1, huyện S, tỉnh N có thỏa thuận thuê anh vận chuyển đất sét từ huyện Đ1 về nhà máy Chi nhánh Công ty C tại xã H1 để sản xuất gạch Tuynel với giá vận chuyển 150.000 đồng/m³ và đồng ý thanh toán tiền vận chuyển từng ngày một nên anh đã đồng ý. Quá trình vận chuyển như sau: ngày 09/4/2022 anh vận chuyển tổng cộng 05 chuyến xe với khối lượng 59,8m³ đất, giá trị 8.970.000 đồng; ngày 10/4/2022 anh vận chuyển tổng cộng 16 chuyến xe với khối lượng 188,8m³ đất, giá trị 28.320.000 đồng; ngày 11/4/2022 anh vận chuyển tổng cộng 23 chuyến xe với khối lượng 269,1m³ đất, giá trị 40.365.000 đồng. Sáng ngày 10/4/2022 bà T đã thanh toán cho anh số tiền 9.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 68.655.000 đồng. Mặc dù anh V đã nhiều lần điện thoại và đến gặp trực tiếp bà T, bà H yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ và bà H có hứa tuần sau sẽ thanh toán nhưng đến nay Công ty C vẫn chưa thanh toán nợ cho anh. Nay anh V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 68.655.000 đồng. Anh V không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2023 , bị đơn - Công ty C do bà Nguyễn Thị N đại diện trình bày: Bà đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Sĩ V nhưng hiện bà đã xin từ chức Giám đốc và được Hội đồng quản trị của công ty miễn nhiệm theo Quyết định số 025/QĐ-HĐQT ngày 10/6/2022 nên không còn là đại diện theo pháp luật của công ty. Vì vậy, bà không biết nội dung công ty và ông V đã thỏa thuận những gì và tranh chấp ra sao, bà không liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tại bản tự khai ngày 06/02/2023, đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 27/4/2023, bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: bà là Giám đốc chi nhánh - đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty C tại xã H1. Ngày 09/4/2022 bà có liên hệ và thỏa thuận với anh Nguyễn Sĩ V về việc vận chuyển đất từ huyện Đ1 về bãi chứa nguyên liệu của chi nhánh Công ty C tại xã H1 với giá vận chuyển 150.000 đồng/m³, các bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Trong quá trình vận chuyển từ ngày 09 đến ngày 11/4/2022 anh V đã vận chuyển nguyên liệu cho bên nhà máy với tổng số tiền 77.655.000 đồng, bên công ty đã thanh toán được 9.000.000 đồng và còn nợ lại anh V số tiền 68.655.000 đồng. Hiện tại bên công ty đã tạm ngưng sản xuất từ đầu tháng 5/2022 do thiếu nguồn vốn lưu động, hàng hóa sản xuất ra kém chất lượng dẫn đến nguồn thu nhập thấp hơn nguồn chi và công ty đã mất khả năng chi trả tiền vận chuyển cho anh V. Nay công ty đưa ra phương án là chờ thi hành án bán tài sản của nhà máy và ưu tiên thanh toán khoản nợ cho anh V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tại bản tự khai ngày 06/01/2023, bà Trần Thị Phương T trình bày: trước đây bà là kế toán của chi nhánh Công ty C tại xã H1. Vào ngày 09/4/2022 bà có liên hệ với ông Nguyễn Sĩ V vận chuyển đất từ huyện Đ1 về bãi chứa nguyên liệu của chi nhánh Công ty C tại xã H1. Sau khi làm việc với bà, anh V đã liên hệ và thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Ngọc H với giá vận chuyển 150.000 đồng/m³, các bên thỏa thuận miệng với nhau. Trong quá trình vận chuyển từ ngày 09 đến ngày 11/4/2022 anh V đã vận chuyển nguyên liệu cho bên nhà máy với tổng số tiền 77.655.000 đồng, bên công ty đã thanh toán được 9.000.000 đồng và còn nợ lại anh V số tiền 68.655.000 đồng như anh V trình bày là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 530, Điều 533 và Điều 536 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty C có địa chỉ trụ sở tại Cụm Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ - thôn K, xã M, huyện S, tỉnh N. Anh V yêu cầu Công ty C trả số tiền còn nợ 68.655.000 đồng từ việc vận chuyển nguyên liệu. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: bà Nguyễn Thị Ngọc H là Giám đốc - đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty C tại xã H1 đã liên hệ với anh Nguyễn Sĩ V để thỏa thuận giá cả, thời gian về việc vận chuyển đất sét từ huyện Đ1 về bãi chứa nguyên liệu của Chi nhánh Công ty C tại xã H1, các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không lập hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên nội dung thỏa thuận nêu trên có hiệu lực pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 531 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện:

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì trong khoảng thời gian từ ngày 09/4/2022 đến ngày 11/4/2022 đại diện Công ty C có liên hệ và thỏa thuận với anh Nguyễn Sĩ V về việc vận chuyển đất sét từ huyện Đ1 về bãi chứa nguyên liệu của Chi nhánh Công ty C tại xã H1 với giá vận chuyển 150.000 đồng/m³. Quá trình vận chuyển nguyên liệu là đất sét, cụ thể như sau: ngày 09/4/2022 anh vận chuyển 05 chuyến xe với khối lượng 59,8m³ đất, giá trị 8.970.000 đồng; ngày 10/4/2022 anh vận chuyển 16 chuyến xe với khối lượng 188,8m³ đất, giá trị 28.320.000 đồng; ngày 11/4/2022 anh vận chuyển 23 chuyến xe với khối lượng 269,1m³, giá trị 40.365.000 đồng. Sáng ngày 10/4/2022 công ty đã thanh toán cho anh số tiền 9.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 68.655.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của Công ty C khai không biết nội dung công ty và anh V đã thỏa thuận những gì và tranh chấp ra sao. Tuy nhiên lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Phương T đều xác nhận trong khoảng thời gian từ ngày 09/4/2022 đến ngày 11/4/2022 đại diện Chi nhánh Công ty C có liên hệ, thỏa thuận với anh Nguyễn Sĩ V về việc vận chuyển đất sét từ huyện Đ1 về bãi chứa nguyên liệu của chi nhánh Công ty C tại xã H1 với giá vận chuyển 150.000 đồng/m³, anh V đã vận chuyển nguyên liệu cho bên nhà máy với tổng số tiền 77.655.000 đồng, bên công ty đã thanh toán được 9.000.000 đồng và còn nợ lại anh V số tiền 68.655.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H – chức vụ Giám đốc chi nhánh là đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Công ty C tại xã H1 đã trực tiếp thỏa thuận giá cả, địa điểm, thời gian với anh V về việc thuê anh V vận chuyển đất sét từ huyện Đ1 về bãi chứa nguyên liệu của Chi nhánh Công ty C tại xã H1 với giá vận chuyển 150.000 đồng/m³ và thừa nhận còn nợ lại anh V số tiền 68.655.000 đồng. Mặc dù các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không ký kết hợp đồng nhưng nội dung thỏa thuận phù hợp với lời khai của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ là phiếu nhập kho (có dấu của Chi nhánh Công ty C) mà nguyên đơn cung cấp.

Tại khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định “Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp ...”; tại khoản 6 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 12/11/2012, mã số chi nhánh 4000440294-001 ghi rõ “Chi nhánh

Công ty C tại xã H1 hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp Công ty C” nên nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Sĩ V yêu cầu Tòa án buộc Công ty C phải thanh toán số tiền còn nợ 68.655.000 đồng từ việc vận chuyển đất sét nhập bãi chứa nguyên liệu của Chi nhánh Công ty C tại xã H1 là có căn cứ.

Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Thị N – Giám đốc Công ty C, hiện bà đã xin từ chức giám đốc và được Hội đồng quản trị của công ty miễn nhiệm theo Quyết định số 025/QĐ-HĐQT ngày 10/6/2022 nên không còn là đại diện theo pháp luật của công ty. Tuy nhiên, tại Công văn số 1479/SKHĐT-ĐKKD ngày 12/6/2023 của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Nam thì bà Nguyễn Thị N là đại diện theo pháp luật của Công ty C và hiện công ty chưa bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty C có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Sĩ V số tiền còn nợ 68.655.000 đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 530, Điều 533 và Điều 536 Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 530, Điều 531, Điều 533 và Điều 536 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Sĩ V về việc "*Tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản*".

1. Công ty C có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Sĩ V số tiền 68.655.000 (*Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng .

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.433.000 (*Ba triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn*)

đồng Công ty C phải chịu. Hoàn trả cho anh Nguyễn Sĩ V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.716.000 (Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004842 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen